

Bản án số: **835/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/7/2017

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 401/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn Đ** – sinh năm 1962 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 41/1 đường X, Phường Y, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Longĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị M** – sinh năm 1967 (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: 281/13/7 đường L, Phường 1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông và bà M tự nguyện chung sống theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyền số 01 ngày 06/8/2005 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp.

Vợ chồng ông chung sống tới khoảng cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc kinh doanh thất bại, dẫn đến thiếu thốn về tiền bạc nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, bất đồng ý kiến về chuyện làm ăn kinh tế. Hai vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến khoảng cuối năm 2009 thì bà M chuyển về Sài Gòn sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Sau đó ông đã nộp đơn ly hôn nhiều lần tại Tòa án thị xã V nhưng đều rút đơn để vợ chồng suy nghĩ hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu xin được ly hôn với bà Huỳnh Thị M.

Về con chung: Cả hai có 01 con tên Lê Minh K – sinh ngày 29/10/2005. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông sẽ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho con chung.

Về tài sản chung: ông Đ yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: ông Đ khai không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017, bị đơn - bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Đ về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và con chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên bà cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về con chung: Bà xác nhận cả hai có 01 con chung tên là Lê Minh K – sinh ngày 29/10/2005 như ông Đ trình bày. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng ông Đ đưa ra.

Về tài sản chung: Bà M khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà M khai không có.

Tại phiên tòa,

Ông Đ có đơn xin vắng mặt.

Bà M có đơn xin vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà M, bà M cư ngụ tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 78 quyển số 01 ngày 06/8/2005 do Ủy ban nhân dân Phường Y, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp thì hôn nhân giữa ông Đ và bà M là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết, bà M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt với lý do bận công việc. Do đó, căn cứ vào Điều 175, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Xét yêu cầu của đương sự:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đ có yêu cầu xin ly hôn với bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng ông Đ và bà M không hạnh phúc, không tin tưởng nhau, ông Đ cho rằng do công việc kinh doanh thất bại, dẫn đến thiếu thốn về tiền bạc nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, bất đồng ý kiến về chuyện làm ăn kinh tế. Hai vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến khoảng cuối năm 2009 thì bà M chuyển về Sài Gòn sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Sau đó ông đã nộp đơn ly hôn nhiều lần tại Tòa án thị xã Vĩnh Long nhưng đều rút đơn để vợ chồng suy nghĩ hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Điều này chứng tỏ vợ chồng ông Đ và bà M có mâu thuẫn tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà M đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên hòa giải và tham dự phiên tòa

xét xử vụ án ly hôn nhưng bà M không đến. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 bà M cho rằng cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ, không đến mức nghiêm trọng nhưng nếu do ông Đ cương quyết ly hôn nên bà đồng ý với yêu cầu của ông Đ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng của ông Đ và bà M không hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

[2] *Về con chung*: Cả hai có 01 con tên Lê Minh K – sinh ngày 29/10/2005. Sau khi ly hôn ông Đ đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 1.000.000 đồng/tháng. Xét việc trẻ K đang sống với mẹ từ nhỏ, lại có nguyện vọng được ở với mẹ nên để đảm bảo sinh hoạt ổn định cho trẻ K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông Đ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con, ông Đ tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho con chung, bà M đồng ý và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng mà ông Đ đưa ra.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Đ xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản tự khai ngày 12/7/2017, bà M khai không có nhưng cũng không có ý kiến gì đối với phần trình bày của ông Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ khai không có, bà M cũng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn Đ.

[4] *Về án phí*: Ông Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng được cán trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng mà ông Đ đã nộp theo biên lai số 0005687 ngày 06/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 131, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Văn Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Thị M.

- Về con chung: Cả hai có 01 con tên Lê Minh K – sinh ngày 29/10/2005. Giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho con chung. Bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Đ còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu

không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền thăm nom chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Ông Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đ xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Bà M khai không có nhưng cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ và bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng ông Đ đã nộp theo biên lai số 0005687 ngày 06/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Tân Bình;
- THADS Quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- UBND Phường Y, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VP, hồ sơ.

(Đã ký)

Bành Kim Phụng